

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu học phí các bậc đào tạo hệ chính quy
năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định Số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về việc Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí các bậc đào tạo hệ chính quy năm học 2022-2023 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định được áp dụng từ ngày 01/09/2022 đến 31/8/2023 và thay thế các văn bản quy định mức thu học phí trước đây liên quan đến các nội dung trên.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng KH-TC, Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Sau đại học, Trường các khoa đào tạo và các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy, HĐT, BGH;
- Lưu VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
HÀ NỘI

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

**MỨC THU HỌC PHÍ CÁC BẬC ĐÀO TẠO HỆ CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2022-2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3876/QĐ-ĐHSPHN ngày 30/8/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. Định mức thu học phí các bậc đào tạo

Đơn vị tính: Đồng

TT	Bậc đào tạo	Mức thu học phí năm học 2022 - 2023		
		Mức học phí/tháng	Tính theo năm học (10 tháng)	Mức thu/1 tín chỉ
A	Đào tạo đại học			
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250.000	12.500.000	Có quy định cụ thể dưới đây
2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350.000	13.500.000	
3	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin...	1.450.000	14.500.000	
4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi.....	1.200.000	12.000.000	
B	Đào tạo sau đại học			
1	Đào tạo thạc sĩ			
1.1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.875.000	18.750.000	
1.2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	2.025.000	20.250.000	
1.3	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin...	2.175.000	21.750.000	
1.4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi.....	1.800.000	18.000.000	
2	Đào tạo tiến sĩ			
2.1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3.125.000	31.250.000	
2.2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	3.375.000	33.750.000	
2.3	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin...	3.625.000	36.250.000	
2.4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi.....	3.000.000	30.000.000	

2. Định mức học phí theo tín chỉ của từng ngành học (Đào tạo đại học)

TT	Ngành học	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		
1.1	<i>Đào tạo giáo viên: bao gồm</i> Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Tin học, Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Quốc phòng - An ninh	340.000đ	
1.2	<i>Khoa học giáo dục: bao gồm</i> Quản lý giáo dục	360.000đ	
2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên: bao gồm Sinh học, Hóa học	390.000đ	Mức học phí trên bao gồm cả học phí học lần đầu đối với các môn GDTC và GDQP
3	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin....: bao gồm Công nghệ thông tin, Toán học	420.000đ	
4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi.....: bao gồm Văn học, Công tác xã hội, Việt Nam học, Quản trị du lịch và lễ hành, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Ngôn ngữ Anh, Chính trị học, Triết học, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Ngôn ngữ tiếng Trung	350.000đ	

Lưu ý: - Sinh viên Hệ cử nhân Sư phạm từ K70 trở về trước được miễn học phí, sinh viên phải đóng tiền học lại, học cải thiện và học Chương trình 2.

- Sinh viên Hệ cử nhân Sư phạm từ K71 trở đi thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.